

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/03/2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2268/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 01/02/2021, quyết định hoãn phiên Tòa số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/03/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: tổ 90, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thái Long Ph, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 19/4, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Ph vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày:** ông và bà Nguyễn Thái Long Ph xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Hóa An thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp,

bất đồng trong quan điểm sống nên cả hai thường xuyên cãi vã nhau. Xét tình cảm không còn nên ông xin ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên là Mai Hoàng Th, sinh ngày: 28/08/2017. Ly hôn ông xin giao cháu cho bà Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung+ nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thái Long Ph vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Văn H. Cho ông Mai Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thái Long Ph.

+ Về con chung: có 01 cháu tên là Mai Hoàng Th, sinh ngày: 28/08/2017. Ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Th cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có lời khai bà Ph nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: ông H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thái Long Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a,b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H bà Ph là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thái Long Ph tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ hôn nhân của ông H bà Ph là hợp pháp. Nay ông H xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông H: ông H xin ly hôn với bà Ph với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cả hai thường xuyên cãi vã nhau. Xét tình cảm không còn nên ông xin ly hôn. Về phía bà Ph vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải

quyết vụ kiện dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tòa án đã tiến hành xác minh địa phương về nơi cư trú của bà Ph và mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Ph thì được biết bà Ph có sinh sống tại địa chỉ 19/4, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đối với mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Ph thì địa phương không nắm được.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho bà Ph đến Tòa làm việc và hòa giải nhưng bà Ph vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy bà Ph không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình nên dù có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà Ph là phù hợp.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên là Mai Hoàng Th, sinh ngày: 28/08/2017. Ly hôn ông H xin giao con cho bà Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Xét yêu cầu của ông H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ hiện tại cháu Th cũng đang sinh sống với bà Phụng và cháu vẫn phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần nên nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu nên tiếp tục giao cháu cho bà Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, xét thấy việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là bổn phận và trách nhiệm của các bậc cha mẹ, ông H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: ông H khai không có, bà Ph vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng ông H phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân theo pháp luật của quan hệ hôn nhân; việc tuân theo pháp luật của đương sự; đường lối giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung, án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Mai Văn H. Ông Mai Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thái Long Ph.

2. Về con chung: có 01 cháu tên là Mai Hoàng Th, sinh ngày: 28/08/2017. Ly hôn giao cháu Th cho bà Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành có khả năng lao động được. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007147 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Án phí cấp dưỡng ông H phải nộp 300.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự thành phố B(1);
- TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà

